

SEEDS

SEEDS
PanNature F

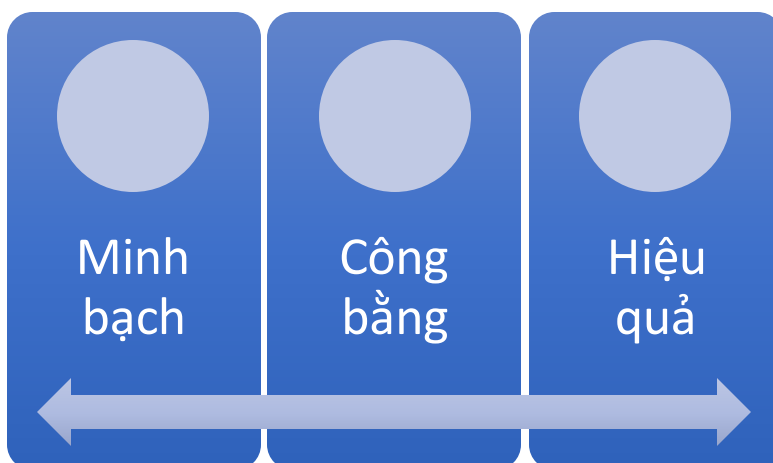


SEEDS

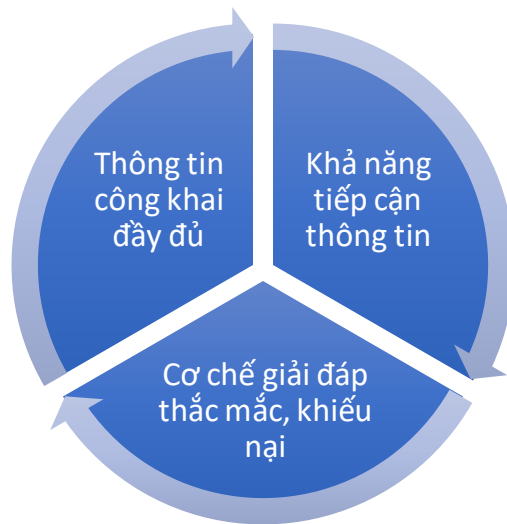
Công cụ thu thập dữ liệu GS-ĐG chương trình PFES

Huế, 14-15.02.2017

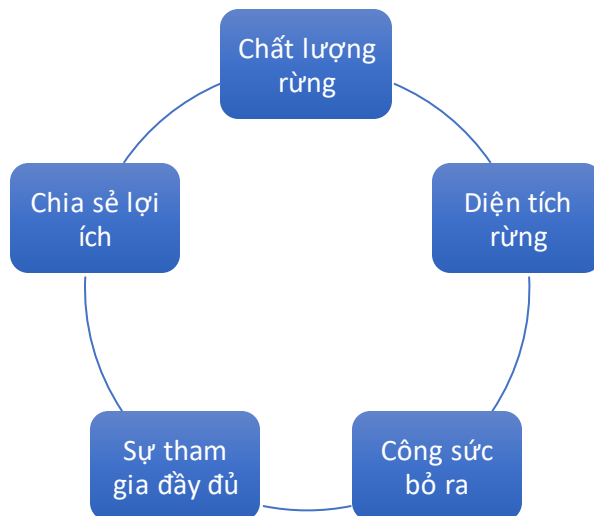
Nguyên tắc chung



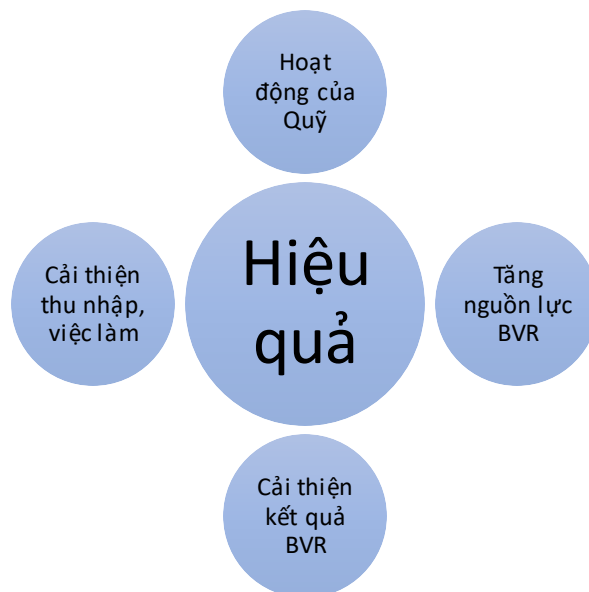
Minh bạch?



Công bằng?



Hiệu quả?



Công cụ thu thập dữ liệu

Bảng hỏi	Biểu mẫu
<ul style="list-style-type: none"> • 53 câu hỏi • Chia theo 03 nguyên tắc: Minh bạch, công bằng, hiệu quả • Thang cho điểm 	<ul style="list-style-type: none"> • Quỹ BVPTTR • Chủ rừng là tổ chức • Chủ rừng là cộng đồng & hộ gia đình • Đầu mối chi trả

MB.1 – Dữ liệu chi trả DVMTR được công khai đầy đủ

1. Quỹ BVPTR tỉnh có tổng hợp các dữ liệu liên quan đến chi trả DVMTR không?
2. Các đầu mối chi trả có tổng hợp các dữ liệu liên quan đến chi trả DVMTR không?
3. Đã có cơ sở dữ liệu về chi trả DVMTR của Quỹ tỉnh hay chưa?
4. Đã có cơ sở dữ liệu về chi trả DVMTR tại các đầu mối chi trả theo các quy định hiện hành hay chưa?
5. Các loại dữ liệu về chi trả DVMTR của Quỹ được cập nhật kịp thời theo quy định hiện hành?
6. Các loại dữ liệu về chi trả DVMTR của các đầu mối chi trả được cập nhật kịp thời theo quy định hiện hành

MB.1 – Dữ liệu được công khai đầy đủ... (tt)

7. Quỹ tỉnh có kế hoạch cho các hoạt động chia sẻ, cung cấp thông tin hàng năm hay không?
8. Các đầu mối chi trả có kế hoạch cho các hoạt động chia sẻ, cung cấp thông tin hàng năm hay không?
9. Quỹ có bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động trong kế hoạch chia sẻ, cung cấp thông tin hàng năm hay không?
10. Các đầu mối chi trả có bố trí được kinh phí để thực hiện các hoạt động chia sẻ, cung cấp thông tin hàng năm hay không?
11. Kết quả thực hiện các hoạt động chia sẻ, cung cấp thông tin trong năm

MB.2 – Đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin về DVMTR

12. Các cơ sở dữ liệu về chi trả DVMTR được Quỹ tỉnh công khai như thế nào?
13. Các cơ sở dữ liệu về chi trả DVMTR được các đầu mối chi trả công khai như thế nào?
14. Các dữ liệu về chi trả DVMTR được Quỹ tỉnh chia sẻ thông qua các kênh:
15. Các dữ liệu về chi trả DVMTR được các đầu mối chia sẻ chia sẻ thông qua các kênh:

MB.3 – Giải đáp thắc mắc, khiếu nại

16. Tỉnh có hướng dẫn quy trình giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại hay không?
17. Có cá nhân hay bộ phận được giao trách nhiệm giải quyết thắc mắc và giải quyết khiếu nại hay không?
18. Các quy trình thủ tục giải đáp thắc mắc và khiếu nại phản hồi về chi trả DVMTR có được thông tin, công khai rộng rãi hay không?
19. Các thắc mắc – khiếu nại được theo dõi và ghi nhận
20. Trong báo cáo kết quả thực hiện chi trả DVMTR của Quỹ có kết quả giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại hay không?

CB.1 - Chi trả DVMTR công bằng theo chất lượng rừng cung ứng dịch vụ

21. Tỉnh có áp dụng hệ số K trong tính toán chi trả DVMTR hay không?

CB.2 - Chi trả DVMTR công bằng theo diện tích rừng cung ứng dịch vụ, thời gian chi trả và đối tượng hưởng lợi

22. Các chủ rừng có nhận được số tiền chi trả đúng với số diện tích đã được giao QLVR không?

23. Tỷ lệ nợ đọng của các cơ sở sử dụng DVMTR trong năm?

24. Tỷ lệ giải ngân của Quỹ đến các đầu mối chi trả

25. Tỷ lệ nợ tiền chi trả DVMTR của chủ rừng đối với các hộ nhận khoán QLVR

CB.3 - Chi trả DVMTR công bằng theo công sức tạo ra giá trị dịch vụ

26. Tính toán chi trả của tỉnh có được tham chiếu dựa trên kết quả nghiệm thu chi trả hay không?
27. Chủ rừng có nhận được số tiền chi trả đúng với kết quả nghiệm thu chi trả hay không?
28. Các hộ nhận khoán có được nhận số tiền chi trả đúng với kết quả nghiệm thu chi trả hay không?

CB.4 - Sự tham gia đầy đủ của các bên vào quá trình thực hiện chi trả DVMTR

29. *Mức độ tham gia của các bên liên quan trong các bước của quá trình thực hiện chi trả DVMTR*

CB.5 - Công bằng trong chia sẻ lợi ích từ chi trả DVMTR giữa các bên liên quan

30. Tỷ lệ diện tích rừng

31. Quý vị có đồng ý với phương thức chia sẻ tiền chi trả DVMTR tại địa phương (cấp cộng đồng, thôn, xã) như hiện nay hay không?

HQ.1 - Hiệu quả hoạt động của Quỹ BVPTTR

32. Tỷ lệ nợ đọng của các cơ sở sử dụng DVMTR trong năm

33. Tỷ lệ giải ngân của Quỹ đến các đối tượng cung ứng dịch vụ

34. Phương thức chi trả nào là phù hợp nhất với hoàn cảnh địa phương?

35. Hình thức chi trả nào là phù hợp nhất với hoàn cảnh địa phương?

HQ.2 - Xã hội hóa nguồn lực bảo vệ và phát triển rừng

36. Số hộ gia đình được giao rừng để thực hiện chi trả DVMTR **tăng thêm** so với thời điểm trước chi trả
37. Số hộ gia đình được nhận khoán QLVR **tăng thêm** so với thời điểm trước chi trả
38. Các diện tích rừng đang tạm do UBND xã, quản lý, có được thực hiện giao hoặc khoán cho các hộ gia đình, nhóm hộ hay cộng đồng trong xã hay không?
39. Tỷ lệ diện tích rừng được chi trả DVMTR đã giao, khoán cho hộ gia đình, cộng đồng theo:
40. Số lượng tin báo vi phạm lâm luật **tăng thêm** từ các hộ gia đình/cá nhân/cộng đồng tại khu vực chi trả
41. Các mô hình hợp tác QLVR (đồng quản lý rừng, rừng cộng đồng) được thiết lập trong thời gian thực hiện chi trả DVMTR
42. Các quy ước, kế hoạch phối hợp tuần tra chung trên địa bàn và báo cáo kết quả hợp tác giữa các bên trong thời gian thực hiện chi trả DVMTR được thiết lập mới?
43. Tỷ lệ đóng góp từ chi trả DVMTR so với đầu tư từ ngân sách nhà nước cho ngành lâm nghiệp
44. Tỷ lệ đóng góp từ chi trả DVMTR so với đầu tư cho toàn ngành lâm nghiệp địa phương
45. Tỷ lệ đóng góp từ chi trả DVMTR so với đầu tư cho hoạt động bảo vệ rừng địa phương

HQ.3 - Cải thiện kết quả bảo vệ rừng

46. Có hay không tình trạng mất rừng tại các khu vực nhận chi trả DVMTR
47. Có hay không có tình trạng suy thoái rừng tại các khu vực nhận chi trả DVMTR
48. Mức vi phạm lâm luật trên 1000 ha tại khu vực chi trả DVMTR so với số vụ vi phạm trung bình cho 1000 ha ở địa phương

HQ.4 - Cải thiện thu nhập, việc làm cho người dân sống trong vùng rừng và đóng góp cho giảm nghèo

49. Đóng góp của chi trả DVMTR đối với sinh kế hộ
50. Tỷ lệ của hộ nghèo tham gia và hưởng lợi trực tiếp từ chi trả DVMTR so với tổng số hộ gia đình tham gia theo cấp
51. Tỷ lệ DTTS tham gia và hưởng lợi từ chi trả DVMTR so với tổng số hộ gia đình tham gia theo cấp
52. Quý vị có biết thực hiện chi trả DVMTR hiện mang lại các lợi ích gì hay không? (trừ các lợi ích trực tiếp về tiền chi trả)

(P) Dữ liệu chủ rừng & hiện trạng

- a. Tập hợp các hồ sơ chi trả DVMTR
- b. Bản đồ khu vực chi trả
- c. Danh sách chi tiết về tên các chủ rừng và chủ nhận khoán: diện tích rừng quản lý, lô, khoảnh, trạng thái rừng; nguồn gốc loại rừng theo từng xã, huyện, tỉnh
- d. Hợp đồng uỷ thác
- e. Hợp đồng khoán

(U) Dữ liệu về cơ sở sử dụng DVMTR

- a. Hợp đồng các cơ sở sử dụng DVMTR với các Quỹ BVPTR (nội tỉnh và liên tỉnh)
- a2. Bảng kê chi tiết danh sách các cơ sở sử dụng DVMTR: tên cơ sở, công suất, sản lượng và doanh thu
- b1. Tổng số tiền DVMTR phải nộp của các cơ sở sử dụng DVMTR
- b2. Bảng kê chi tiết đối với từng cơ sở sử dụng DVMTR
- c1. Tổng số tiền DVMTR đã nộp của các đối tượng sử dụng DVMTR
- c2. Bảng kê chi tiết đối với từng cơ sở sử dụng DVMTR

(O) Dữ liệu về thực thi hoạt động chi trả

- 1. Kết quả nghiệm thu theo từng nhóm đối tượng
- 2. Kết quả nghiệm thu theo nội dung (diện tích, chất lượng)
- 3. Danh sách chi tiết số tiền miễn giảm đối với từng cơ sở sử dụng DVMTR và căn cứ miễn giảm
- 4. Tổng số tiền kinh phí quản lý chi trả DVMTR giữ lại hàng năm
- 5. Số tiền tích lũy trong Quỹ dự phòng theo từng năm
- 6. Tổng số tiền DVMTR phải trả cho từng nhóm đối tượng
- 7. Tổng số tiền DVMTR đã trả cho từng nhóm đối tượng
- 8. Tổng số trường hợp bị giảm trừ tiền chi trả DVMTR theo đơn vị chủ rừng, xã, huyện và tỉnh
- 9. Tổng số tiền chi khác trong năm theo quyết định của UBND tỉnh